

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN MẮT
Số: 1700/BVM-VTTBYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2025

YÊU CẦU MỜI CHÀO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm vật tư tiêu hao hóa chất đợt 4 năm 2025

Kính gửi: Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt có nhu cầu tiếp nhận báo giá/TNKT để tham khảo, xây dựng giá các gói thầu mua sắm vật tư tiêu hao hóa chất đợt 4 năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá/ tính năng kỹ thuật:

1. Đơn vị yêu cầu mời chào giá: Bệnh viện Mắt Thành phố Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm mời chào giá/ tính năng kỹ thuật:

Họ tên : Nguyễn Tuấn Anh

Chức vụ : Trưởng phòng Vật tư, thiết bị y tế

Số điện thoại : (028).3932.5364 - 1224

Địa chỉ email : vttbyt@bvmat.vn

3. Cách thức tiếp nhận tài liệu mời chào giá/ tính năng kỹ thuật: Nhận trực tiếp qua đường văn thư tại địa chỉ: Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên phong bì ghi rõ:

Tiêu đề: “Báo giá vật tư tiêu hao hóa chất đợt 4 năm 2025 theo công văn số/BVM-VTTBYT”

Nơi nhận: Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Mắt – 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng thời gửi file theo hướng dẫn ở cuối văn bản và Mục II.2 các thông tin khác.

4. Thời hạn tiếp nhận mời chào giá/ tính năng kỹ thuật: Từ 08h ngày 22 tháng 7 năm 2025 đến trước 16h30 ngày 31 tháng 7 năm 2025.

5. Thời hạn có hiệu lực của giá/ tính năng kỹ thuật: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

II. Danh mục yêu cầu mời chào giá/ tính năng kỹ thuật:

1. Danh mục mời chào giá và tính năng kỹ thuật: theo Phụ lục đính kèm

2. Các thông tin khác: gửi File Báo giá và các tài liệu khác (nếu có) qua đường link: <https://forms.gle/F9eEDQP6RCQYDmnW6> hoặc Mã QR code (xem cuối văn bản).

a. Đối với Báo giá (Biểu mẫu 1): định dạng file EXCEL (.xls, .xlsx)

b. Đối với các tài liệu khác: định dạng file dạng PDF

3. Lưu ý:

Trong tài liệu của quý công ty vui lòng sử dụng đúng biểu mẫu - **KHÔNG** xóa, **KHÔNG** thay đổi thứ tự các cột, các nội dung trong các biểu mẫu đính kèm (biểu mẫu 1). Nội dung nào không có thì quý công ty để trống hoặc ghi không có, nộp kèm theo tài liệu tính năng kỹ thuật gồm các tài liệu liên quan đến sản phẩm, hợp đồng hoặc quyết định trúng thầu, thông báo trúng thầu (nếu có).

Cột “Tính năng kỹ thuật của Công ty” phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu; đây là một trong các căn cứ xét duyệt giá của hàng hóa. *An*

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; VTTBYT (VTTT_2b)



(điền Header của Công ty)
BÁO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua sắm vật tư tiêu hao hóa chất đợt 4 năm 2025

Kính gửi: BỆNH VIỆN MẮT

Trên cơ sở yêu cầu báo giá/ tính năng kỹ thuật của BỆNH VIỆN MẮT, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] xin cung cấp báo giá cho mua sắm vật tư tiêu hao hóa chất đợt 4 năm 2025 như sau:

1. Danh mục:

Stt	Mã VT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng (*)	Đơn giá + VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Tính năng (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Tính năng của Công ty cung cấp	Hồ sơ công bố sản phẩm đủ điều kiện lưu hành	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)				(3)	(4)	A	B = A x (4)		(5)		(6)	(7)	(8)
1															
2															

(1), (2), (3), (4), (5): Theo thông tin trong Danh mục của bệnh viện (mục II.1)

(6): Công ty phải khai báo thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ, và sẵn sàng cung cấp Tài liệu/ Hồ sơ chứng minh khi được yêu cầu

(7): số công bố và ngày ban hành của hồ sơ công bố sản phẩm đủ điều kiện lưu hành (có hiệu lực tối thiểu đến hết thời điểm hiệu lực của báo giá)

(8): Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến: 12 tháng hoặc 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

2. Tài liệu này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Những thông tin nêu trong tài liệu trên là trung thực và không vi phạm vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh.



Link khai báo



Link lấy file

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC

(Đính kèm công văn số: 1700 /BVM-VTTBYT ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện Mắt)

Stt	MÃ VẬT TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	VT008	Gel siêu âm	Bình	30	Đặc tính kỹ thuật: gel hòa tan không chứa muối, không dính nhầy, không gây dị ứng, đảm bảo độ đậm đặc đồng dạng đồng màu, độ nhớt $\geq 80.000\text{cp}$, dẫn truyền tín hiệu tốt và tốc độ truyền nhanh. Sử dụng với tất cả các loại máy siêu âm. Đóng gói ≥ 5 lít hoặc $\geq 5\text{kg}$, đóng gói trong bình hoặc can	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
2	VT009	Giấy siêu âm 110	Cuộn	3.060	Kích thước: $(110\text{mm} \times 20\text{m}) \pm 5\%$	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
3	VT013	Phim X-Quang 20 x 25 cm	Tấm	9.000	Công nghệ in: khô, laser. Tương thích với máy in phim khô model: DryPix 4000/6000/7000, Drypix Plus, Drypix Smart, Drypix Edge,...	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
4	VT017	Kim luồn an toàn 24G	Cái	3.110	- Kim luồn tĩnh mạch, đầu kim vát 3 mặt, phần thân có cân quang, có cánh, có cổng tiêm, chiều dài $\geq 19\text{ mm}$. - Có nắp Luer lock để ngăn chặn các ống thông khi không sử dụng, khóa luer ở đuôi ống catheter kết nối với mọi loại khóa 3 chạc. - Đóng gói tiệt trùng. - Kích cỡ 24G. - Xuất xứ: Các nước G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
5	VT018	Bình chứa gas C3F8	Bình	12	- Bình gas C3F8 125g dùng cho máy Constellation: perfluoropropane (Octafluoropropane) 99,8% (tối thiểu), áp suất trong bình ở 20°C là 100 psig (pound/inch vuông). - Xuất xứ: Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
6	VT019	Bình chứa gas SF6	Bình	6	- Bình gas SF6 125g dùng cho máy Constellation: sulfur hexafluoride 99,99% (tối thiểu), áp suất trong bình ở 20°C là 320 psig (pound/inch vuông). - Xuất xứ: Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
7	VT020	Bộ Kit dung dịch Perfluorocarbon dùng mổ bong võng mạc	Cái	200	- Thành phần: 100% fluorinated perfluorodecalin (PFCL) dạng lỏng, dung tích: 5 ml/lọ đóng gói tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nội độc tố: $\leq 0.2\text{ EU/ml}$ - Đã được kiểm nghiệm độc tính tế bào - Xuất xứ: Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
8	VT023	Bóng đèn tương thích máy Constellation	Cái	7	Bóng đèn xenon tương thích máy Constellation. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
9	VT025	Cassette dùng trong cắt dịch kính - đầu cắt 23G tương thích máy Constellation	Bộ	1.000	Cassette tổng hợp 23G 10k, đèn thẳng, trocar có van cho máy constellation bao gồm:- Đầu cắt dịch kính 23G ULTRAVIT vát - Cassette/túi đựng nước thải- Đèn nội nhãn 23G- Dây nước tưới 4mm- Bộ dao trocar EDGEPLUS- Hộp đựng dây GFI- Dây nước tưới có van tự động- Ống dây đường hút phụ- Bao phủ tiệt trùng- Van 3 ngã- Xanh 20cc. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng

Stt	MÃ VẬT T TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
10	VT0 27	Cassette dùng trong cắt dịch kính - đầu cắt 25G tương thích máy Constellation	Bộ	200	Cassette tổng hợp 25G 10k, đèn thẳng, trocar có van cho máy constellation bao gồm:- Đầu cắt dịch kính 25G ULTRAVIT vát - Cassette/túi đựng nước thải- Đèn nội nhãn 25G- Dây nước tưới 4mm- Bộ dao trocar EDGEPLUS- Hộp đựng dây GFI- Dây nước tưới có van tự động- Ống dây đường hút phụ- Bao phủ tuyệt trùng- Van 3 ngã- Xanh 20cc. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
11	VT0 30	Bộ cassette dùng trong cắt dịch kính và phaco - đầu cắt 23G tương thích máy Stellaris	Bộ	100	- Cassette dùng mổ Phaco và cắt dịch kính cho máy Stellaris bao gồm: Hộp đựng chất bắn, Bao chụp đầu kim I/A, Nút đẩy hộp đựng chất bắn, Buồng kiểm tra, Khóa vận kim US. Dùng đầu cắt 23G - Xuất xứ: Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
12	VT0 31	Đai silicone mổ bong võng mạc có đường kính 3 x 5mm	Cái	150	Chất liệu: Silicone, kích thước 3 x 5 mm. Hình oval, đóng gói tiệt trùng, sử dụng một lần. Các thông số kỹ thuật cho phép ± 5%. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 12 tháng
13	VT0 33	Đầu đốt điện 25Ga tương thích máy Constellation	Cái	600	- Đầu đốt điện 25G tương thích máy Constellation- Được thiết kế để làm đông mô- Mũi nhọn 30 độ ở đầu tip- Tay cầm thiết kế công thái học. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
14	VT0 34	Đầu và ống nối bơm Silicone lòng tương thích máy Constellation	Bộ	50	- Tương thích máy Constellation, gói vô trùng dùng để bơm vào và rút dầu silicone gồm: - Bộ chuyển đổi xi lanh VFC với đầu RFID - Ống Xi lanh 10 cc, nút chặn xi lanh - Ống thông 20 Gauge - Ống thông 23 Gauge - Ống thông 25 Gauge - Bầu chiết xuất tốc độ cao - Thanh đẩy - Vô trùng dùng 1 lần - Xuất xứ: Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
15	VT0 35	Đầu và ống nối bơm Silicone lòng tương thích máy Stellaris	Bộ	50	- Chức năng dùng để bơm và chiết xuất: kết nối một hệ thống đường ống sẵn sàng sử dụng. - Đẻ bơm: lựa chọn công thức phun 23 Ga và 25 Ga. Một vòng để giữ chặt ống tiêm dầu silicon vào bộ ống. - Đẻ chiết xuất: vòng để cố định ống tiêm nhựa rỗng vào bộ ống. Một ống chiết, áp suất tối đa 5 bar, đã tiệt trùng, dùng 1 lần. - Tương thích máy Stellaris - Xuất xứ: Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
16	VT0 36	Dây dẫn laser 23G tương thích máy Constellation	Cái	500	- Đầu Laser thẳng 23 gauge tương thích máy Constellation - Định tâm sợi quang cho sự chính xác - Tay cầm bằng nhựa - Có RFID (Radio Frequency Identification Device hay nhận dạng thiết bị bằng tần số Radio) - Xuất xứ: Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng

Stt	MÃ VẬT TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
17	VT0 38	Dây dẫn laser 25G tương thích máy Constellation	Cái	50	- Đầu Laser thẳng 25 gauge tương thích máy Constellation - Định tâm sợi quang cho sự chính xác - Tay cầm bằng nhựa - Có RFID (Radio Frequency Identification Device hay nhận dạng thiết bị bằng tần số Radio) - Xuất xứ: Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
18	VT0 42	Kéo cong 23G dùng trong phẫu thuật dịch kính võng mạc	Cái	120	- Có 16 đòn bẩy - Dẫn động xoay tự do 360 độ - Tay cầm bằng polymer - Kéo cong 23 gauge - Lưỡi cắt cong mỏng có thể sử dụng đa chức năng - Độ cong 40 độ - Xuất xứ: Nhóm nước G7, Thụy Sĩ	G7, Thụy Sĩ	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
19	VT0 43	Kéo cong 25G dùng trong phẫu thuật dịch kính võng mạc	Cái	300	- Có 16 đòn bẩy - Dẫn động xoay tự do 360 độ - Tay cầm bằng polymer - Kéo cong 25 gauge - Lưỡi cắt cong mỏng có thể sử dụng đa chức năng - Độ cong 40 độ - Xuất xứ: Nhóm nước G7, Thụy Sĩ	G7, Thụy Sĩ	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
20	VT0 44	Kẹp bóc màng ngăn trong 23G dùng trong phẫu thuật dịch kính võng mạc	Cái	700	- Có 16 đòn bẩy. - Dẫn động xoay tự do 360 độ - Tay cầm bằng polymer - Kích cỡ 23 gauge, có đầu tận cùng dùng để kẹp màng - Vô trùng - Xuất xứ: Nhóm nước G7, Thụy Sĩ	G7, Thụy Sĩ	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
21	VT0 45	Kẹp bóc màng ngăn trong 25G dùng trong phẫu thuật dịch kính võng mạc	Cái	150	- Có 16 đòn bẩy. - Dẫn động xoay tự do 360 độ - Tay cầm bằng polymer - Kích cỡ 25 gauge, có đầu tận cùng dùng để kẹp màng - Vô trùng - Xuất xứ: Nhóm nước G7, Thụy Sĩ	G7, Thụy Sĩ	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
22	VT0 46	Kẹp gấp có đầu nhám 23G dùng trong phẫu thuật dịch kính võng mạc	Cái	500	- Có ≥12 đòn bẩy. - Dẫn động xoay tự do 360 độ - Tay cầm bằng polymer - Kích cỡ 23G, có đầu tận cùng dùng để kẹp màng - Vô trùng Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
23	VT0 47	Kẹp gấp có đầu nhám 25G dùng trong phẫu thuật dịch kính võng mạc	Cái	150	- Có 16 đòn bẩy - Dẫn động xoay tự do 360 độ - Tay cầm bằng polymer - Kích cỡ: 25 gauge - Vô trùng, sử dụng 1 lần - Xuất xứ: Nhóm nước G7, Thụy Sĩ	G7, Thụy Sĩ	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
24	VT0 48	Kim hút đầu mềm 23G	Cái	1.000	- Kim hút với đầu mềm màu xanh, có thể kết nối với đường hút và tưới- Kích cỡ: 23 G - Vô trùng, sử dụng 1 lần. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
25	VT0 49	Kim hút đầu mềm 25G	Cái	100	- Kim hút đầu mềm, kết nối với đường hút và tưới. - Kích cỡ 25G. - Vô trùng, sử dụng 1 lần - Xuất xứ : Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng

Stt	MÃ VẬT TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
26	VT0 50	Silicone lỏng chứa Polymethylsiloxane 10ml và ≥ 1000 cst	Hộp	1.200	- Chất liệu Silicone lỏng chứa thành phần Polydimethylsiloxane - Dung tích: 10ml - Độ trơn: ≥ 1000cst. - Đóng gói tiệt trùng, sử dụng 1 lần. - Xuất xứ: Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
27	VT0 51	Silicone lỏng chứa Polymethylsiloxane 10ml và ≥ 5000 cst	Hộp	800	- Chất liệu Silicone lỏng chứa thành phần Polydimethylsiloxane. - Dung tích: 10ml - Độ trơn: ≥ 5000cst. - Đóng gói tiệt trùng, sử dụng 1 lần. - Xuất xứ: Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
28	VT0 58	Van điều trị Glaucoma	Cái	800	Thông số kỹ thuật của ống: • Chiều dài: 25.00 mm ± 0,01 mm • Đường kính trong ống: 0.305 mm ± 0,01 mm • Đường kính ngoài ống: 0.635 mm ± 0,01 mm • Đóng gói tiệt trùng. - Thông số kỹ thuật Van điều trị người lớn: • Độ dày: 0.9 mm ± 0,01 mm • Độ rộng: 13.00 mm ± 0,01 mm • Chiều dài: 16,00 mm ± 0,01 mm • Tiết diện bề mặt: 184 mm2 ± 0,01 mm2 - Thông số kỹ thuật Van điều trị trẻ em: • Độ rộng: 9.60 mm ± 0,01 mm • Chiều dài: 10.00 mm ± 0,01 mm • Tiết diện bề mặt: 96.00 mm2 ± 0,01 mm2 Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
29	VT0 61	Dao mổ Crescent 2.0 mm	Cái	150	Dao mổ Crescent 2.0mm Lưỡi bằng thép không gỉ, được phủ Silicone Kích thước: 2.0mm, vát lên (Bevel up) Được xử lý chống chói lóa Xuất xứ: Các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật	FDA và CE	dự tính 12 tháng
30	VT0 65	Băng Phim dính y tế trong suốt	Miếng	215.006	- Chất liệu: màng Polyurethane 5-15% trong suốt, mỏng, bán thấm, nền keo Acrylic ≤ 30% (không latex) - Có viền giấy bo tròn trắng Silicon 5-15% - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng - Đặc tính: Kháng vi khuẩn/virus với đường kính ≥ 27nm (thử nghiệm In vitro), quan sát được vùng tiêm và vùng da. - Thông thoáng, co giãn theo chuyển động của da, hạn chế kích ứng da, đủ độ dai và bám dính trong suốt quá trình phẫu thuật. Dễ dính, dai và dễ tháo. - Kích cỡ: 6 x 7cm ± 10% - Đóng gói tiệt khuẩn riêng từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, FDA. - Xuất xứ: Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
31	VT0 66	Bao tóc phẫu thuật	Cái	338.420	Chất liệu: vải không dệt, mềm mại, chắc chắn, không dễ rách khi sử dụng. Không gây kích ứng. Thun mềm 2 sợi chắc chắn, ôm khít vòng đầu (bao phủ toàn bộ tóc vào bên trong). Tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng

Stt	MÃ VẬT TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
32	VT0 69	Bộ khăn phẫu thuật mắt	Bộ	17.916	-1 Khăn trải bàn dụng cụ 50x80cm; -1 Khăn đa dụng 160x190cm; -1 Khăn mắt với màng phẫu thuật cắt sẵn 100x100cm; có lỗ tròn, đường kính ≥ 7 cm, có màng phẫu thuật chất liệu PU và túi chứa dịch làm bằng nhựa PE. Tất cả các thông số được sai số $\pm 5\%$ Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
33	VT0 76	Bơm tiêm insulin 100UI/40UI	Cái	59.502	Kim vát 3 mặt, Đường kính nhỏ từ 30 đến 31G, đầu kim phủ silicone, Chiều dài kim: ≥ 6 mm, Vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
34	VT0 85	Chỉ không tan đa sợi tổng hợp polyester 5.0	Tép	504	- Chỉ không tan tổng hợp đa sợi bền polyester số 5/0, dài ≥ 45 cm. - 2 kim hình thang 1/4 c, dài ≥ 8 mm. - Đóng gói tiệt trùng. Xuất xứ nhóm nước G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
35	VT0 86	Chỉ không tan tổng hợp nylon 4.0	Tép	73	Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon/Polyamide số 4/0, dài ≥ 45 cm, kim tam giác thuận, dài ≥ 16 mm, độ cong 3/8 (3/8 vòng tròn). Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
36	VT0 87	Chỉ không tan tổng hợp nylon số 5.0	Tép	33	Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon/Polyamide số 5/0, dài ≥ 45 cm, kim tam giác thuận, dài ≥ 10 mm, độ cong 3/8 (3.8 vòng tròn). Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
37	VT0 88	Chỉ không tan tổng hợp nylon số 6.0	Tép	560	Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon/Polyamide số 6/0, dài ≥ 45 cm, kim tam giác thuận 3/8c, dài ≥ 11 mm. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
38	VT0 89	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 7.0	Tép	4.100	Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon/Polyamide số 7/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác thuận, độ cong 3/8c (3/8 vòng tròn), dài ≥ 13 mm. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
39	VT0 90	Chỉ không tan tự nhiên 4.0	Tép	601	Chỉ không tiêu tự nhiên Silk số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác thuận, dài ≥ 17 mm, độ cong 3/8 (3/8 vòng tròn). Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
40	VT0 91	Chỉ không tan tự nhiên 7.0	Tép	280	Chỉ không tiêu tự nhiên Silk số 7/0, dài ≥ 45 cm, 02 kim tam giác thuận, độ cong 3/8 (3/8 vòng tròn), dài ≥ 13 mm. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
41	VT0 95	Chỉ Polypropylene 9/0, 2 kim hình thang	Tép	50	Chỉ khâu mắt sợi đơn Polypropylen 9-0 màu xanh, dài 30cm. Hai kim tiết diện hình thang chiều dài 6mm, đường kính 0,14mm, độ cong 3/8. Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
42	VT0 97	Chỉ tan đa sợi tổng hợp polyglactin 910 số 5/0	Tép	1.320	Chỉ PGA 5-0 Vật liệu: PGA, dạng bện Kích cỡ: 5-0 (UPS), dài ≥ 45 cm Kim: 02 kim dẹt hình thoi dài ≥ 8.5 mm, độ cong 1/4 (1/4 vòng tròn). Kim làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ và được phủ silicon. Lỗ đuôi kim nối chỉ được tạo bằng laser. Đóng gói tiệt trùng. Xuất xứ: Các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật	FDA và CE	dự tính 24 tháng

Stt	MÃ VẬT T TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
43	VT0 98	Chỉ tan đa sợi tổng hợp polyglactin 910 số 6/0	Tép	3.336	Chỉ PGA 6-0 Vật liệu: PGA, dạng bện Kích cỡ: 6-0 (UPS), dài ≥ 45 cm Kim: 02 kim hình thang dài ≥ 6.5 mm, độ cong 1/4 (1/4 vòng tròn). Kim làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ và được phủ silicon. Lỗ đuôi kim nối chỉ được tạo bằng laser. Đóng gói tiệt trùng. Xuất xứ: Các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật	FDA và CE	dự tính 24 tháng
44	VT0 99	Chỉ tan đa sợi tổng hợp polyglactin 910 số 7/0	Tép	4.650	Chỉ PGA 7-0 Vật liệu: PGA, dạng bện Kích cỡ: 7-0 (UPS), dài ≥ 30 cm Kim: 02 kim hình thang dài ≥ 6.5 mm, độ cong 3/8 (3/8 vòng tròn). Kim làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ và được phủ silicon. Lỗ đuôi kim nối chỉ được tạo bằng laser. Đóng gói tiệt trùng. Xuất xứ: Các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật	FDA và CE	dự tính 24 tháng
45	VT1 00	Cồn 70 độ	Lít	7.686	Đúng nồng độ theo yêu cầu.	-	-	dự tính 24 tháng
46	VT1 07	Đầu rửa hút Intrepid cong	Cái	20	Kim rửa hút Intrepid cong Tiệt trùng được, sử dụng được nhiều lần. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
47	VT1 08	Đầu TIP Phaco Constellation buồng dịch kính	Cái	10	- Tương thích tay cầm Phaco Constellation. - Kích cỡ 20G. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
48	VT1 11	Dây nối đầu nối lưỡng cực tương thích máy Constellation	Sợi	5	Dây đốt điện lưỡng cực silicon, tương thích máy Constellation, thiết kế để làm kết tụ mô, đầu đốt mũi nhọn 30 độ. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
49	VT1 12	Dây nối đầu nối lưỡng cực tương thích máy Stellaris	Sợi	10	Dây đốt lưỡng cực silicon, tương thích máy Stellaris. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
50	VT1 13	Dây oxy 2 nhánh người lớn	Sợi	1.049	Kích cỡ: người lớn, 02 nhánh, nhựa, không gây kích ứng, dây dài ≥ 2 m, đóng gói vô trùng từng cái. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
51	VT1 15	Điện cực tim	Miếng	1.400	Chứa gel dán không dị ứng, một lớp được trắng bạc và một đầu nối bằng kim loại dẫn tín hiệu điện tâm đồ. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
52	VT1 23	Khăn trải bàn dụng cụ	Cái	16.746	Kích thước: (120 x 140) cm $\pm 5\%$, 2 lớp: 1 lớp Plastic và 1 lớp vải SMMMS ≥ 50 gsm, đóng gói, tiệt trùng từng cái. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
53	VT1 31	Kim tiêm 18G x 1/2	Cây	50.153	Kim bằng thép không rỉ, sắc bén, góc vát ≤ 12 độ; kích cỡ kim 18G x 1/2 inch $\pm 0,01$ inch; Đóng gói và tiệt trùng từng cái. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
54	VT1 32	Kim tiêm 26G X 1/2	Cái	60.600	Kim bằng thép không rỉ, sắc bén, góc vát ≤ 12 độ; kích cỡ kim 26G x 1/2 inch $\pm 0,01$ inch; Đóng gói và tiệt trùng từng cái. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
55	VT1 44	Nước cất 1 lần	Lít	25.297	Nước cất 1 lần.	-	-	dự tính 24 tháng
56	VT1 45	Nước muối cân bằng	Bịch	9.825	Bịch dung dịch BSS (Balanced salt solution) 500ml dùng cho máy phaco Centurion. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng

Sst	MÃ VẬT TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
57	VT1 46	Ống nội khí quản không bóng các số	Cái	1.770	Chất liệu nhựa PVC, trong suốt, không bóng, các số, tiết trùng. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
58	VT1 47	Ống nâng gây mê, có lỗ hút đàm	Cái	160	Các số, chất liệu PVC y tế, ống xếp nếp nên co giãn và xoay chuyển 360 độ, có cổng hút đàm, tiết trùng. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
59	VT1 52	Tay cầm Phaco cho máy Constellation	Cái	2	Tương thích máy Constellation. Tần số cộng hưởng: 43.5 ± 3.0 KHz. Hành trình đầu tip: 3.1 ± 0.5 mils tại 100% năng lượng. Tốc độ đầu tip: 10.8m/s. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
60	VT1 56	Tay cầm rửa hút (IA Handpiece)	Cái	15	Tay cầm tương thích máy Infiniti và Centurion. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
61	VT1 73	Khoan giác mạc chân không (người cho)	Cái	150	Khoan sắc, mỏng. Vòng khoan bằng thép không rỉ, tròn đều liên tục, đúc nguyên khối, đồng nhất không có đường ghép. Lực hút đủ mạnh. Ghi rõ kích thước trên từng khoan và có đủ kích thước (6.0-10.0mm), để khoan có lỗ định tâm và chống trượt mảnh ghép. Xuất xứ: G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 12 tháng
62	VT1 74	Khoan giác mạc chân không hướng tâm (người nhận- bệnh nhân)	Cái	150	Khoan sắc, mỏng. Vòng khoan bằng thép không rỉ, tròn đều liên tục, đúc nguyên khối, đồng nhất không có đường ghép. Phù hợp với mắt nhỏ (mắt người châu Á). Lực hút đủ mạnh. Có chữ thập để định tâm. Ghi rõ kích thước trên từng khoan và có đủ kích thước (6.0-10.0mm), để khoan có lỗ định tâm và chống trượt mảnh ghép. Xuất xứ: G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 12 tháng
63	VT1 75	Que nhuộm Fluorescein Sodium	Que	7.100	Mỗi que chứa 1mg Fluorescein Sodium, đầu que tròn -Các que đã tiết trùng riêng từng cái với tấm phim trong suốt trên một mặt -Sử dụng một lần	-	-	dự tính 24 tháng
64	VT1 76	Schirmer test	test	1.200	Chất liệu làm bằng giấy lọc Whatman -Mỗi que có in một thang mm để dễ đọc -Các que đã tiết trùng riêng lẻ với tấm phim trong suốt trên một mặt -Sử dụng một lần. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 12 tháng
65	VT1 77	Kính áp tròng	Cái	14.270	Chất liệu: Silicone Hydrogel Chỉ số DK/t >100 Tỉ lệ ngâm nước $\leq 45\%$ Đường cong cơ bản (Base curve): 8.30 hoặc 8.60mm Đường kính ≤ 14.0 mm Đài độ cầu S: +1.00D đến -1.00D (bước 0.25D) Đeo liên tục 1 tháng (monthly replacement). Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng

Stt	MÃ VẬT TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
66	VT1 78	Bình gas cho máy laser excimer Mel 90	Bình	10	Bình khí tương thích hệ thống Laser Excimer Mel 90 Thể tích: 10 lít ± 0.1 lít Áp lực tối đa: 145 bar ± 3 bar Hỗn hợp khí: Thành phần gồm hỗn hợp khí ArF với tối đa ≤ 0,2 % Flourine. Hoặc đặc tính kỹ thuật tương đương tương thích được với hệ thống Laser Excimer Mel 90. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
67	VT1 79	Bộ lọc và ống xả cho máy laser excimer Mel 90	Bộ	10	Bộ lọc và ống của hệ thống hút khói tương thích với hệ thống Mel 90 Bao gồm: Lọc cấp độ vi khuẩn và virus (bacteria/virus) Lọc cho khí và hơi hữu cơ Hệ thống ống bao gồm: • Ống hút dài 650mm ± 10mm • Ống hút dài 300mm ± 10mm Hoặc đặc tính kỹ thuật tương đương là tương thích được với hệ thống Laser Excimer Mel 90. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
68	VT1 81	Dung dịch Riboflavin 0.1%	Ống	200	Dung dịch dùng cho điều trị các bệnh lý giác mạc với máy Crosslinking: Thành phần: Riboflavin; Hydroxypropyl Methylcellulose (HPMC); Disodium hydrogenphosphate × 2H ₂ O, Sodium dihydrogenphosphate × 2H ₂ O, nước Hộp 10 túi, kèm 01 thẻ licence điều trị cho 10 ca. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
69	VT1 82	Dung dịch Riboflavin 0.22%	Ống	400	Dung dịch dùng cho điều trị các bệnh lý giác mạc với máy Crosslinking: Thành phần: Riboflavin, Natriclorua, Disodium hydrogenphosphate × 2H ₂ O, Sodium dihydrogenphosphate × 2H ₂ O, nước Hộp 10 túi, kèm 01 thẻ licence điều trị cho 10 ca. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
70	VT1 84	Giấy thử năng lượng tương thích cho hệ thống Laser Excimer Mel 90	Hộp	20	Giấy thử năng lượng tương thích với hệ thống máy Mel 90 bệnh viện đang sử dụng Chất liệu: giấy có lớp phủ nhôm. Kích thước dài 90 mm ± 2 mm, rộng 70 mm ± 2 mm. Hoặc đặc tính kỹ thuật tương đương là tương thích được với hệ thống Laser Excimer Mel 90. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
71	VT1 85	Kim lasik	Cây	6.000	- Vật liệu kim làm bằng thép không gỉ 304. - Thân ống bằng Polypropylene. - Kích thước: Kim 27G. - Chiều dài: ≥ 22 mm. - Vô trùng. - Kim có 4 lỗ cạnh. - Phần đầu được bẻ cong cách đầu kim ≥ 7 mm. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng

Stt	MÃ VẬT TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
72	VT1 86	Kính bảo hộ mắt	Cái	9.836	Kích thước: Chiều dài 144mm, chiều cao 50mm, tròng kính dày 2mm. Trọng lượng: 32g. Tất cả các thông số được sai số $\pm 5\%$ Chất liệu: gọng kính bằng nhựa, tròng kính bằng nhựa.	-	-	dự tính 24 tháng
73	VT1 88	Kit phẫu thuật cho kỹ thuật SMILE-Visumax	Gói	7.000	Bộ kit phẫu thuật bao gồm: Mã kích hoạt cho kỹ thuật mổ SMILE. Gói điều trị đã được đóng gói và tiệt trùng sẵn bằng khí Ethylene oxide. Có lựa chọn 3 kích cỡ gói điều trị là S, M và L. Tương thích với máy Visumax tại bệnh viện. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
74	VT1 89	Kit phẫu thuật tạo vạt giác mạc FLAP-Visumax	Gói	8.000	Bộ kit phẫu thuật bao gồm: Mã kích hoạt phẫu thuật tạo vạt. Gói điều trị đã được đóng gói và tiệt trùng sẵn bằng khí Ethylene oxide. Có lựa chọn 3 kích cỡ gói điều trị là S, M và L. Tương thích với máy Visumax tại bệnh viện. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
75	VT1 91	Que thăm mổ lasik	Cây	65.000	- Que thăm hút dịch nhanh - Chất liệu: Đầu que bằng vật liệu PVA (Polyvinyl Alcohol) không xơ, hình tam giác màu trắng, tay cầm bằng nhựa Polypropylene. - Đóng gói vô trùng, dùng một lần. Xuất xứ nhóm nước G7, Đài Loan	G7, Đài loan	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
76	VT1 97	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Cái	800	1.Thân bàn chải: nhựa PP màu trắng. 2. Lông bàn chải: nylon mềm màu đen.. Hàng cọ rửa móng tay nằm mặt trên bàn chải. Hàng bàn chải chính nằm ở mặt dưới của bàn chải. Kích thước bàn chải : 10.5 x 4 x 3 cm 3. Tất cả các thông số có thể sai số $\pm 5\%$ Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
77	VT2 00	Băng mắt	Miếng	611.000	- Thành phần kết hợp từ 1 lớp bông y tế (bông hút nước) bên trong và 1 lớp vải bọc bên ngoài. - Lớp vải bọc này được làm từ loại nguyên liệu: gạc vải không dệt (vải không dệt thấm nước). - Hình Oval, kích thước khoảng (5cm x 7cm), màu trắng, không bụi bẩn. - Trọng lượng 1,3-1,6gr/miếng. - Có tính năng thấm hút tốt. - Được tiệt trùng bằng khí EO - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001; GMP. - Đóng gói: 20 miếng/ gói Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
78	VT2 13	Giấy gói 90x90	Tờ	4.500	Chất liệu: vải không dệt SMMMS, kích thước (90 x 90) cm $\pm 5\%$, ≥ 50 gsm, dùng để gói dụng cụ, chống thấm. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
79	VT2 16	Tăm bông rẩy tai	Gói	19.000	Que Bông y tế sử dụng từ Bông y tế, thân que nhựa là nhựa PE,PP,PVC Kích thước đầu que bông 3mm-4mm Đạt tiêu chuẩn 9001:2015 ISO Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng

Stt	MÃ VẬT TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
80	VT2 19	Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn Tyvek 100mmx70m có chỉ thị hóa học màu đỏ	Cuộn	10	Túi ép (100mm x 70m) ± 5% dùng cho máy hấp Sterrad. Có chỉ thị hóa học trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
81	VT2 20	Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn Tyvek 200mmx70m có chỉ thị hóa học màu đỏ	Cuộn	40	Túi ép (200mm x 70m) ± 5% dùng cho máy hấp Sterrad. Có chỉ thị hóa học trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
82	VT2 21	Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn Tyvek 250mmx70m có chỉ thị hóa học màu đỏ	Cuộn	3	Túi ép (250mm x 70m) ± 5% dùng cho máy hấp Sterrad. Có chỉ thị hóa học trên túi giúp đánh giá sự tiếp xúc với Hydrogenperoxide. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
83	VT2 27	Giấy điện tim 110 x 140 x 143 không sọc	Xấp	2.210	Kích thước: (110mm x 140mm) ± 5% x ≥ 142 tờ. Tương thích cho máy điện tim Nihon Kohden, giấy trắng không sọc. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
84	VT2 37	Chỉ tan đa sợi tổng hợp polyglactin 910 số 8/0	Tép	13.700	Chỉ PGA 8-0 Vật liệu: PGA, dạng bện Kích cỡ: 8-0 (UPS), dài ≥ 30 cm Kim: 02 kim hình thang dài ≥ 6.0mm, độ cong 3/8 (3/8 vòng tròn). Kim làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ và được phủ silicon. Lỗ đuôi kim nối chỉ được tạo bằng laser. Đóng gói tiệt trùng. Xuất xứ: Các nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Tiêu chuẩn: FDA và CE	Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật	FDA và CE	dự tính 24 tháng
85	VT2 39	Miếng độn sàn hốc mắt (tấm lót sàn)	Cái	50	Miếng độn sàn hốc mắt bằng titanium hoặc bioceramic hoặc polyethylene. Kích thước 50 x 38 x 1,5 mm. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 12 tháng
86	VT2 40	Miếng ghép tạo hình sọ mặt và sàn ổ mắt	Cái	50	Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, có các vi hốc hỗ trợ mô phát triển bên trong với tổng thể tích rỗng lên đến 50% thể tích toàn phần. Kích thước 50x76x1,5mm. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 12 tháng
87	VT2 43	Ống cố định Jone Stoploss các cỡ	Cái	102	Chất liệu: một vành ống được làm bằng silicone mềm. Ống được làm bằng thủy tinh. - Đường kính miệng ống (mặt bích): 3,5mm - 4,0mm. - Chiều dài ống đáp ứng nhiều kích cỡ từ 9mm đến 22mm. - Đóng gói tiệt trùng, sử dụng một lần. - Xuất xứ: Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 12 tháng
88	VT2 44	Dây Silicon nối lệ quản	Cái	2.455	- Dây silicon nối lệ quản - Chất liệu: Silicon y tế có tùy chọn phủ PVP - Chiều dài dây ≥ 40mm - Đường kính dây ≥ 0,64 mm - Đường kính vành nút 2 mm, vành nút hình oval - Có nút (chốt cố định) ở một đầu ống silicon - Vô trùng, dùng một lần - Xuất xứ: Nhóm G7	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng

Stt	MÃ VẬT TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
89	VT2 45	Silicone mô tiếp khẩu lệ mũi	Cái	1.285	Chất liệu silicone có phủ lớp Polyvinylpyrrolidone (PVP) kèm thiết bị thăm dò, kích thước: đường kính ống silicone $\geq$ 0,64mm, dài $\geq$ 80mm, đầu dò kim loại đường kính $\geq$ 0,8mm, đóng gói tiệt trùng, sử dụng một lần. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
90	VT2 47	Bộ tạo áp lực hút nhân cầu dùng cho phẫu thuật đục thủy tinh thể bằng máy laser Femtosecond	Bộ	200	Các size, dùng cho phẫu thuật đục thủy tinh thể, tương thích với máy Femto LDV Z8. Xuất xứ nhóm nước G7, Thụy Sĩ, Thái Lan.	G7, Thái Lan, Thụy Sĩ	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
91	VT2 51	Bộ định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc	Test	1.800	Đóng gói: Thanh phản ứng gồm có 20 giếng nhỏ chứa các môi trường đông khô. Công dụng: định danh những trực khuẩn đường ruột và các trực khuẩn Gram (-) khác. Các phản ứng được đọc dựa vào bảng có sẵn và kết quả định danh dựa vào phần mềm định danh. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
92	VT2 54	Bộ thuốc thử định danh vi khuẩn	Bộ	45	Sử dụng phù hợp với Bộ định danh trực khuẩn Gram âm dễ mọc. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
93	VT2 58	Chai cấy máu 2 pha	Chai	30	-Chai có hai phần: Phần trên là pha đặc với môi trường là BHI agar và Phần dưới là BHI lỏng có SPS với vai trò kháng đông và ngăn hoạt động bổ thể và một số kháng sinh. -Thể tích môi trường 50ml $\pm$ 5% -Công dụng: thực hiện xét nghiệm cấy máu tìm tác nhân gây nhiễm khuẩn huyết.	-	-	dự tính 24 tháng
94	VT2 67	Cone vàng	Cái	220.000	-Công dụng: Đầu col lấy mẫu xét nghiệm -Đóng gói: 1000 cái/ bịch. -Bằng nhựa PP. -Kích cỡ: dung tích 10-200 μ l -Có các đường gờ hoặc khía nhỏ trên thân để tăng độ bám và độ kín khi gắn vào micropipet Đạt tiêu chuẩn CE, FDA	-	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
95	VT2 68	Dầu ủ đèn	Hộp	2	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích với máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
96	VT2 69	Dầu ủ máy	Hộp	20	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích với máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
97	VT2 77	Hóa chất chính 1 làm xét nghiệm định lượng HbA1C máu (HbA1c reagent 1)	Hộp	20	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
98	VT2 78	Hóa chất chính 2 làm xét nghiệm định lượng HbA1C máu (HbA1c reagent 2)	Hộp	20	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
99	VT2 79	Hóa chất chính làm xét nghiệm định lượng Cholesterol máu	Hộp	10	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng

Stt	MÃ VẬT TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
100	VT2 81	Hóa chất chính làm xét nghiệm định lượng Glucose máu (Glucose hexokinase)	Hộp	90	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
101	VT2 82	Hóa chất chính làm xét nghiệm định lượng HDL- Cholesterol máu	Hộp	10	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
102	VT2 83	Hóa chất chính làm xét nghiệm định lượng LDL- Cholesterol máu	Hộp	10	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
103	VT2 84	Hóa chất chính làm xét nghiệm định lượng SGOT máu	Hộp	110	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
104	VT2 85	Hóa chất chính làm xét nghiệm định lượng SGPT máu	Hộp	110	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
105	VT2 86	Hóa chất chính làm xét nghiệm định lượng Triglycerid máu	Hộp	10	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
106	VT2 87	Hóa chất chính làm xét nghiệm định lượng Urea máu (Urea FS)	Hộp	70	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
107	VT2 95	Hóa chất làm chuẩn cho các xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol máu (Trucal lipid)	Hộp	10	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
108	VT2 96	Hóa chất làm chuẩn cho các xét nghiệm định lượng Urea, Creatinin, Triglycerid, Cholesterol, SGOT, SGPT máu (TruCal U)	Hộp	12	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
109	VT2 97	Hóa chất làm chuẩn cho xét nghiệm định lượng HbA1C máu (HbA1c Calib)	Hộp	12	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
110	VT2 98	Hóa chất làm nội kiểm cho xét nghiệm định lượng HbA1C máu (HbA1c control)	Hộp	17	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng

Stt	MÃ VẬT TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
111	VT3 01	Hóa chất làm nội kiểm mức bệnh lý cho các xét nghiệm định lượng Urea, Creatinin, Triglycerid, Cholesterol, SGOT, SGPT máu (TruLab P)	Hộp	15	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
112	VT3 02	Hóa chất làm nội kiểm mức bình thường cho các xét nghiệm định lượng Urea, Creatinin, Triglycerid, Cholesterol, SGOT, SGPT máu (TruLab N)	Hộp	15	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
113	VT3 16	Hóa chất pha loãng làm xét nghiệm định lượng HbA1C máu (HbA1c diluent)	Hộp	13	Được chủ sở hữu thiết bị chứng nhận tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
114	VT3 18	Huyết tương thô đông khô	Lọ	2.500	Dạng bột chứa trong lọ dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết tương thô đông khô để định danh các loài Staphylococcus.	-	-	dự tính 24 tháng
115	VT3 19	Hydrogen peroxide (H2O2)	Lọ	12	Lọ có chứa 2ml thuốc thử dùng thực hiện thử nghiệm phát hiện Catalase.	-	-	dự tính 24 tháng
116	VT3 30	Môi trường lưu trữ BHI Glycerol 20%	Ống	3.000	Đóng gói: đựng trong tube nhựa. Công dụng: +Bảo quản và lưu giữ vi khuẩn trong điều kiện nhiệt độ âm +Thời gian bảo quản chủng vi khuẩn tùy thuộc vào ngưỡng nhiệt độ bảo quản: -20 độ C (1 năm); -30 độ C (2 năm); -70 độ C (10 năm).	-	-	dự tính 24 tháng
117	VT3 38	Nước rửa Cuvette 7	Hộp	140	Được chủ sở hữu thiết bị chứng nhận tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
118	VT3 39	Nước rửa Cuvette Ex	Hộp	115	Được chủ sở hữu thiết bị chứng nhận tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
119	VT3 40	Nước rửa kim 1 (Wash 1)	Hộp	2	Được chủ sở hữu thiết bị chứng nhận tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
120	VT3 41	Nước rửa kim 2 (Wash 2)	Hộp	2	Được chủ sở hữu thiết bị chứng nhận tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
121	VT3 42	Nước rửa kim K (Wash K)	Hộp	2	Được chủ sở hữu thiết bị chứng nhận tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
122	VT3 43	Nước rửa kim S (Wash S)	Hộp	2	Được chủ sở hữu thiết bị chứng nhận tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng

Stt	MÃ VẬT TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
123	VT3 46	Ống nghiệm chimigly 5ml	Cái	160.000	-Thẻ tích, kích thước: Đúng thẻ tích, kích thước. -Nhãn dán: Nhãn màu xám, nhãn được dán với kích thước vừa đủ $\leq 2/3$ ống, có khoảng trống theo chiều dọc để quan sát lượng mẫu bên trong ống. -Nắp ống: Nắp ống dễ đóng mở bằng 1 tay trong quá trình phân phối mẫu. Nắp ống có khả năng đóng chặt trong quá trình ly tâm mẫu, không gây rơi vãi mẫu khi ly tâm. -Thân ống: Thân ống làm bằng vật liệu trong, giúp dễ quát sát lượng mẫu bên trong ống khi phân phối. -Ống được lưu trữ trên khay xếp 100 lỗ, các lỗ trên khay đối xứng, thẳng hàng dễ dàng cho việc lưu trữ và truy suất mẫu bệnh phẩm. -Chứa chất chống đông: +Sodium Fluoride: 1- 4mg/ml máu +Potassium Oxalate: 1- 3mg/ml máu. -Khả năng chống đông: Máu sẽ không đông sau khi bơm máu vào ống trong vòng 8h. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
124	VT3 47	Ống nghiệm Citrate 1ml	Cái	2.000	- Thẻ tích, kích thước: Đúng thẻ tích, kích thước. - Nhãn dán: Nhãn màu xanh lá, nhãn được dán với kích thước vừa đủ $\leq 2/3$ ống, có khoảng trống theo chiều dọc để quan sát lượng mẫu bên trong ống. -Nắp ống: Nắp ống dễ đóng mở bằng 1 tay trong quá trình phân phối mẫu. Nắp ống có khả năng đóng chặt trong quá trình ly tâm mẫu, không gây rơi vãi mẫu khi ly tâm. -Thân ống: Thân ống làm bằng vật liệu trong, giúp dễ quát sát lượng mẫu bên trong ống khi phân phối. - Ống được lưu trữ trên khay xếp 100 lỗ, các lỗ trên khay đối xứng, thẳng hàng dễ dàng cho việc lưu trữ và truy suất mẫu bệnh phẩm. - Chứa chất chống đông: Sodium Citrate 3.2%. - Khả năng chống đông: Máu sẽ không đông sau khi bơm máu vào ống trong vòng 8h. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
125	VT3 48	Ống nghiệm EDTA K2 5ml	Cái	160.000	- Thẻ tích, kích thước: Đúng thẻ tích, kích thước. - Nắp ống: Dễ đóng mở nắp bằng 1 tay khi thao tác bơm máu vào ống. Đầu nắp ống bằng cao su giúp kim có khả năng đâm xuyên khi bơm máu vào. - Thân ống: Thân ống làm bằng vật liệu trong, giúp dễ quát sát lượng mẫu bên trong ống khi phân phối. - Ống được lưu trữ trên khay xếp 100 lỗ, các lỗ trên khay đối xứng, thẳng hàng dễ dàng cho việc lưu trữ và truy suất mẫu bệnh phẩm. - Chứa chất chống đông EDTA K2 có nồng độ 1.5- 2.2 mg/ml máu. - Khả năng chống đông: Máu sẽ không đông sau khi bơm máu vào ống trong vòng 8h. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng

Stt	MÃ VẬT T TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
126	VT3 50	Ống nghiệm serum 5ml	Cái	10.000	- Thê tích, kích thước: Đúng thể tích, kích thước. - Nhãn dán: Nhãn màu đỏ, nhãn được dán với kích thước vừa đủ $\leq 2/3$ ống, có khoảng trống theo chiều dọc để quan sát lượng mẫu bên trong ống. - Nắp ống: Nắp ống dễ đóng mở bằng 1 tay trong quá trình phân phối mẫu. Nắp ống có khả năng đóng chặt trong quá trình ly tâm mẫu, không gây rơi vãi mẫu khi ly tâm. - Thân ống: Thân ống làm bằng vật liệu trong, giúp dễ quan sát lượng mẫu bên trong ống khi phân phối. - Ống được lưu trữ trên khay xếp 100 lỗ, các lỗ trên khay đối xứng, thẳng hàng để dàng cho việc lưu trữ và truy suất mẫu bệnh phẩm. - Sau khi ly tâm: Các hạt nhựa ngăn cách riêng biệt: huyết thanh ở phía trên và cục máu đông ở phía dưới. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
127	VT3 51	Ống nghiệm heparin 5ml	Cái	160.000	Thê tích, kích thước: Đúng thể tích, kích thước. Nhãn dán: Nhãn màu đỏ, nhãn được dán với kích thước vừa đủ $\leq 2/3$ ống, có khoảng trống theo chiều dọc để quan sát lượng mẫu bên trong ống. Nắp ống: Nắp ống dễ đóng mở bằng 1 tay trong quá trình phân phối mẫu -Nắp ống có khả năng đóng chặt trong quá trình ly tâm mẫu, không gây rơi vãi mẫu khi ly tâm. Thân ống: Thân ống làm bằng vật liệu trong, giúp dễ quát sát lượng mẫu bên trong ống khi phân phối. Ống được lưu trữ trên khay xếp 100 lỗ, các lỗ trên khay đối xứng, thẳng hàng để dàng cho việc lưu trữ và truy suất mẫu bệnh phẩm. Chứa chất chống đông: Lithium Heparin > 10 UI/ml máu Khả năng chống đông: Máu sẽ không đông sau khi bơm máu vào ống trong vòng 8h.	-	-	CH dự tính 24 tháng
128	VT3 65	Test thử nước tiểu 10 thông số	Test	9.000	Gồm các thông số: LEU, NIT, URO, PRO, pH, BLO, SG, KET, BIL, GLU. Tương thích máy Clinitek Status+ tại Bệnh viện. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
129	VT3 69	Tube 5ml vô trùng	Cái	8.000	Đóng gói: Tube nhựa màu trắng trong được đóng riêng lẻ trong từng bao vuốt kín miệng. Cảm quan: -Thân tube có in sẵn vạch chia ml -Nắp vận có cấu tạo răng trong nắp -Tube vô trùng, không nứt bể, bao bì kín.	-	-	dự tính 24 tháng
130	VT3 73	Bình kèm tiếp liệu cao 13cm	Cái	20	Bình kèm tiếp liệu cao 13cm $\pm 5\%$	-	-	dự tính 12 tháng
131	VT3 74	Lon gòn inox tròn: đường kính 13cm, chiều cao 15.5 cm	Cái	10	Lon gòn inox tròn: đường kính 13cm, chiều cao 15.5 cm	-	-	dự tính 12 tháng
132	VT3 75	Hộp inox tròn: đường kính 10cm, chiều cao 7 cm	Cái	10	Hộp inox tròn: đường kính 10cm, chiều cao 7 cm	-	-	dự tính 12 tháng

Stt	MÃ VẬT TƯ	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng (*)	Tính năng kỹ thuật (theo yêu cầu Bệnh viện)	Xuất xứ hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng (**)	Thời gian thực hiện gói thầu dự kiến (***)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(8)
133	VT3 76	Hóa chất chính làm xét nghiệm định lượng CRP máu	Hộp	14	Được chủ sở hữu thiết bị chứng nhận tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
134	VT3 77	Hóa chất làm nội kiểm mức 1 cho xét nghiệm định lượng CRP máu	Hộp	37	Được chủ sở hữu thiết bị chứng nhận tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
135	VT3 78	Hóa chất làm nội kiểm mức 2 cho xét nghiệm định lượng CRP máu	Hộp	37	Được chủ sở hữu thiết bị chứng nhận tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
136	VT3 79	Hóa chất làm chuẩn cho xét nghiệm định lượng CRP máu	Hộp	15	Được chủ sở hữu thiết bị chứng nhận tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
137	VT3 80	Độ đục chuẩn Mc Farland 0.5 (McF 0.5)	Lọ	60	Lọ có chứa 3ml thuốc thử dùng thực hiện xác định độ đục của vi khuẩn trong thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ.	-	-	dự tính 24 tháng
138	VT3 85	Dung dịch nhuộm màng dùng trong nhãn khoa	lọ	250	- Dùng cho nhuộm màng ngăn trong (ILM). Thành phần: Blulife, Sodium chloride, Sodium phosphate monobasic, Sodium phosphate dibasic, Nước để bơm. Hoặc tương đương - Độ pH: 7.00 - 7.40 - Đã được kiểm nghiệm độc tính tế bào - Dung dịch vô khuẩn, đóng gói tiệt trùng. - Dung tích $\geq 0.7\text{ml}$ - Tiệt trùng bằng nhiệt ẩm - Nhiệt độ bảo quản $+15^{\circ}\text{C} / +32^{\circ}\text{C}$ Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
139	VT3 90	Hóa chất chính làm xét nghiệm định lượng Creatinin máu (Creatinin PAP FS)	Hộp	90	Chủ sở hữu thiết bị chứng nhận hóa chất tương thích máy Sinh hóa tự động JCA BM 6010c. Xuất xứ nhóm nước G7.	Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	dự tính 24 tháng
140	TTr 278-1	Thiết bị dẫn lưu thủy dịch tiền phòng trong điều trị hạ nhãn áp cho bệnh nhân glaucoma (loại không dùng Valve)	Cái	50		Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	chưa xác định
141	TTr 278-2	Chi Polypropylen số 6/0	Tép	50		Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	chưa xác định
142	TTr 278-3	Mảnh ghép rời (cùng mạc đồng khô, cùng mạc tươi, mạc cân cơ dùi đồng khô...)	Miếng	50		-	-	chưa xác định
143	TTr 278-4	Ống dây silicone đơn thông lệ đạo	Cái	80		Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	chưa xác định
144	TTr 278-5	Ống dây silicone đôi thông lệ đạo	Cái	30		Nhóm nước G7	CE hoặc FDA	chưa xác định

Diễn giải:

(*) Số lượng sử dụng cho 12 tháng

(**) Các tiêu chuẩn chất lượng (bên cạnh ISO 13485 là tiêu chuẩn bắt buộc đối với thiết bị y tế được phân loại theo NĐ 98/2021/NĐ-CP)

(***) Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến